TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **218**/2020/DS-PT
Ngày 19/10/2020
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất và tranh chấp tiền nhà nước bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tuyển;

Ông Hoàng Văn Hùng;

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Minh Tùng, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 62/2020/TLPT-DS ngày 06 tháng 3 năm 2020 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất và tranh chấp số tiền nhà nước bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất" do có kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DS-ST ngày 08 tháng 01 năm 2020 của Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7408/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Chu Thị T sinh năm 1960; địa chỉ: Xóm 4, xã KP, huyện KB, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Phát Triển, sinh năm 1949; HKTT: Thôn Đ, xã KP, huyện KB, tỉnh Hà Nam (Hợp đồng ủy quyền ngày 22/5/2020). Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Luật sư Lê Văn H - Văn phòng luật sư Lê Văn thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Bị đơn:

- Ông Đinh Văn S (đã chết năm 2010); Người đại diện theo ủy quyền của các thành viên hộ ông S: Bà Nguyễn Thị Duyên, sinh năm 1963; địa chỉ: Xóm 6, xã KP, huyện KB, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

- Anh Đinh Văn L, sinh năm 1976, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các thành viên hộ ông X, bà Q. Có mặt.

- Ông Đinh Văn Y, sinh năm 1940, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các thành viên hộ ông Y. Có mặt.

- Cụ Đinh Thị V, sinh năm 1931, người đại diện theo ủy quyền của các thành viên hộ cụ Vang là ông Nguyễn Hữu H. Có mặt.

- Bà Đinh Thị Th, sinh năm 1959, người đại diện theo ủy quyền của các thành viên hộ bà Th là ông Nguyễn Văn A. Có mặt.

- Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1937, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các thành viên hộ ông T. Có mặt.

- Ông Đinh Tuấn Qu, sinh năm 1963; Có mặt.

- Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1949, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các thành viên hộ ông A. Có mặt.

- Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1958, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các thành viên hộ ông H. Có mặt.

- Bà Trần Thị H, sinh năm 1966, người đại diện theo ủy quyền của các thành viên hộ bà Hoa là ông Lê Xuân Th, sinh năm 1964. Có mặt.

- Ông Nguyễn Hữu Th (chết năm 2018), người đại diện theo ủy quyền của các thành viên hộ ông Th là bà Đinh Thị V, sinh năm 1970. Có mặt.

- Ông Lê Khắc H, sinh năm 1940, đại diện theo ủy quyền cho ông H là anh Lê Văn T. Có mặt.

- Ông Đinh Tiến L, sinh năm 1950, đồng thời là đại diện theo ủy quyền của các thành viên hộ ông L. Có mặt.

- Bà Đinh Thị Tr, sinh năm 1947, người đại diện theo ủy quyền của các thành viên hộ bà Tr là chị Lê Thị Y, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm 1, xã KP, huyện KB, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

- Bà Đinh Thị H, sinh năm 1963; người đại diện theo ủy quyền của các thành viên hộ bà H là bà Đinh Thị Th, sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm 5, xã KP, huyện KB, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

- Bà Đinh Thị M, sinh năm 1962, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của các thành viên hộ bà M. Có mặt.

- Cụ Vũ Thị Đ, sinh năm 1932, người đại diện theo ủy quyền của các thành viên hộ cụ Đức là bà Đinh Thị M. Có mặt.

Các bị đơn cùng địa chỉ: Xóm 6, xã KP, huyện KB, tỉnh Hà Nam.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện KB, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị H - Chức vụ: Phó chủ tịch UBND huyện KB (Văn bản ủy quyền ngày 28/4/2020). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã KP, huyện KB, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thành G - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã KP. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Bà Bùi Thị H; địa chỉ: Xóm 10, xã KP, huyện KB, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

4. Ông Lê Văn K; địa chỉ: Xóm 9, xã KP, huyện KB, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

5. Các thành viên trong 17 hộ gia đình là bị đơn trong vụ án. Vắng mặt nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 5 năm 2019 của bà Chu Thị T, ý kiến của các đương sự và tài liệu trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

- Năm 1991, theo chủ trương của Nhà nước giao đất nông nghiệp cho mỗi gia đình theo nhân khẩu để chia lại ruộng tại địa phương, trong đó có 17 hộ gia đình. Năm 1994 nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho 17 hộ gia đình gồm: Gia đình ông Đinh Văn S, ông Đinh Văn L, ông Đinh Văn Y, cụ Đinh Thị V, bà Đinh Thị Th, ông Hoàng Văn T, ông Đinh Tuấn Qu, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Hữu H, bà Trần Thị H, ông Nguyễn Hữu Th, ông Lê Khắc H, ông Đinh Tiến L, bà Đinh Thị Tr, bà Đinh Thị H, bà Đinh Thị M, cụ Vũ Thị Đ tại thửa số 36, tờ bản đồ số 7 bản đồ địa chính xã KP. Năm 1998, Đảng ủy - UBND xã KP đã họp và thực hiện Nghị quyết chung của xã về quy hoạch vùng đất Đồng Son làm kinh tế V.A.C cho các hộ, cá nhân đăng ký với xã. Chi bộ 6 và xóm 6 họp các hộ xã viên và thực hiện Nghị quyết trên của xã, các hộ gia đình có tên nêu trên đã nhất trí, chấp hành theo nghị quyết của chính quyền địa phương đã đề ra. UBND xã KP tổ chức ký hợp đồng kinh tế giao thầu đất làm trang trại với hộ gia đình có nhu cầu làm trang trại.

- Ngày 15/6/1998, UBND xã KP lập Hợp đồng kinh tế giao thầu đất làm trang trại - mô hình (VAC) cho bà Bùi Thị H với diện tích là 10.808m^2 (03 mẫu), thời hạn thực hiện hợp đồng là 20 năm, nghĩa vụ giao nộp sản phẩm khoán thầu hàng năm tính bằng thóc, thời hạn giao nộp sản phẩm vụ chiêm từ ngày 01 đến ngày 10 tháng 6, vụ mùa từ ngày 01 đến ngày 10 tháng 10 hàng năm. Quyền chuyển nhượng hợp đồng phải có sự xác nhận của UBND xã. Và quy định các bước thanh lý hợp đồng, xây dựng mức khoán thầu mới, UBND xã thu hồi diện tích đất hiện trạng.

- Ngày 30/3/2003, bà Bùi Thị H lập Hợp đồng chuyển nhượng Hợp đồng kinh tế giao thầu đất làm trang trại cho cháu là anh Lê Văn K tiếp tục thực hiện hợp đồng nêu trên.

- Ngày 22/9/2004 anh Lê Văn K chuyển nhượng hợp đồng kinh tế giao thầu đất làm trang trại tại thửa đất nông nghiệp số 36, tờ bản đồ số 07, lập năm 1990 diện tích 10.808m^2 cho ông Đinh Văn L (chồng bà Chu Thị T) với giá 175.400.000 đồng. Việc chuyển nhượng được lập hợp đồng bằng văn bản có chứng thực của UBND xã KP đồng ý cho chuyển nhượng.

- Ngày 29/8/2017, UBND huyện KB ban hành các Quyết định số 5482, 5468, 5474, 5471, 5475, 5464, 5483, 5476, 5466, 5480, 5469, 5478, 5477, 5470, 5465, 5473, 5472/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của 17 hộ gia đình; đồng thời ban hành Quyết định số 5537/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ đất đai và các chính sách hỗ trợ của các hộ ảnh hưởng bởi hạng mục: san lấp khu trung tâm đón tiếp, nghỉ dưỡng thuộc dự án đầu tư xây dựng công trình HTKT khu du lịch Tam Chúc Hà Nam (bổ sung phương án đất lần 2-332 hộ có đất 115 và 990) tại xã KP, huyện KB. Trong đó có 17 hộ dân đã được phê duyệt phương án, cụ thể như sau:

1. Thu hồi của các thành viên hộ ông Đinh Văn S 720m^2 đất, đền bù số tiền 118.000.000đ;

2. Thu hồi của các thành viên hộ bà Thái Thị Qu (ông Đinh Văn L) 702m^2 đất, đền bù số tiền 115.830.000đ.

3. Thu hồi của các thành viên hộ ông Đinh Văn Y 421m^2 đất, đền bù số tiền 69.465.000đ.

4. Thu hồi của các thành viên hộ cụ Đinh Thị V 280m^2 đất, đền bù số tiền 46.200.000đ.

5. Thu hồi của các thành viên hộ Nguyễn Hữu H 702m^2 đất, đền bù số tiền 115.830.000đ.

6. Thu hồi của các thành viên hộ bà Đinh Thị Th (Th1) 280m^2 đất, đền bù số tiền 46.200.000đ;

7. Thu hồi của các thành viên hộ ông Nguyễn Văn A 561m^2 đất, đền bù số tiền 92.565.000đ.

8. Thu hồi của các thành viên hộ ông Hoàng Văn T 702m^2 đất, đền bù số tiền 115.830.000đ.

9. Thu hồi của các thành viên hộ ông Đinh Tuấn Qu 702m^2 đất, đền bù số tiền 115.830.000đ.

10. Thu hồi của các thành viên hộ bà Trần Thị H (ông Lê Xuân Th) 421m^2 đất, đền bù số tiền 69.465.000đ.

11. Thu hồi của các thành viên hộ ông Nguyễn Hữu Th (Đinh Thị V) 561m^2 đất, đền bù số tiền 92.565.000đ.

12. Thu hồi của các thành viên hộ ông Lê Khắc H 702m^2 đất, đền bù số tiền là 115.830.000đ.

13. Thu hồi của các thành viên hộ ông Đinh Tiến L 280m^2 đất, đền bù số tiền 46.200.000đ.

14. Thu hồi của các thành viên hộ bà Đinh Thị Tr 972m^2 đất, đền bù số tiền 160.380.000đ.

15. Thu hồi của các thành viên hộ bà Đinh Thị H 828m^2 đất, đền bù số tiền 136.620.000đ.

16. Thu hồi của các thành viên hộ bà Đinh Thị M 280m^2 đất, đền bù số tiền 46.200.000đ.

17. Thu hồi của các thành viên hộ cụ Vũ Thị Đ 280m^2 đất, đền bù số tiền 46.200.000đ.

Tổng diện tích có tranh chấp về quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa bà Chu Thị T với 17 hộ gia đình ông, bà có tên nêu trên là 9.394m^2, giá trị tiền đền bù tranh chấp là 1.550.010.000đ.

Bà Chu Thị T cho rằng: Toàn bộ diện tích nêu trên gia đình bà đã nhận chuyển nhượng hợp pháp, đã trực tiếp quản lý, sử dụng liên tục, đúng mục đích, khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án gia đình bà là người trực tiếp bị ảnh hưởng bởi quyết định thu hồi đất chứ không phải 17 hộ dân. 17 hộ dân này đã tự nguyện trả đất, từ bỏ quyền của mình liên tục trong hơn 20 năm đã có đơn đề nghị trả đất, bởi vì họ đã không còn quản lý, sử dụng, canh tác, cấy trồng. Bà T không có tiêu chuẩn đất nông nghiệp trong diện tích đất bị thu hồi nêu trên.

Toàn bộ diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi 9.394m^2 là của bà T, vì bà là người sử dụng đất, đang trực tiếp là người sử dụng đất. Bà T hoàn toàn nhất trí với chủ trương của Nhà nước về việc thu hồi đất để phát triển du lịch địa phương. Nhưng UBND huyện KB ra quyết định thu hồi đất, ra quyết định phê duyệt phương án đền bù, hỗ trợ đối với 17 hộ đã trả lại đất cho UBND xã là không đúng đối tượng là chủ sử dụng đất, đã ảnh hưởng trực tiếp tới quyền lợi của bà. UBND huyện KB không lập phương án bồi thường tiền đất, hỗ trợ cho gia đình bà Chu Thị T là người sử dụng đất ổn định không có tranh chấp là trái quy định của pháp luật.

Bà Chu Thị T đã khởi kiện tại Tòa án và yêu cầu:

- Công nhận quyền sử dụng đất là 9.394m^2 và được nhận số tiền đền bù hỗ trợ 1.550.010.000đ.

- Huỷ các quyết định thu hồi đất của UBND huyện KB đối với 17 hộ gia đình ông, bà có tên nêu trên vì họ không phải là người sử dụng đất.

- Buộc UBND huyện KB phải bồi thường đất tăng thêm do gia đình mở rộng từ năm 2004 diện tích là 360m^2 với số tiền đền bù là 59.400.000đ (Tại văn bản ngày 20 tháng 7 năm 2019 bà T rút yêu cầu này để khởi kiện bằng một vụ án hành chính khác - BL 58).

** Toàn bộ 17 bị đơn (ông, bà) có tên nêu trên đều không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị T. Vì các lý do sau:*

- 17 hộ gia đình là người có tiêu chuẩn đất nông nghiệp được nhà nước giao theo khẩu nông nghiệp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

chưa bị cơ quan nhà nước ra quyết định thu hồi đất. Các hộ dân đồng ý cho nhà nước thực hiện dự án kinh tế làm trang trại, trong quá trình dồn đổi đất nông nghiệp thì tiêu chuẩn đất nông nghiệp của các hộ vẫn nằm trong trang trại của bà Chu Thị T. Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án khu du lịch Tam Chúc và đền bù cho họ là đúng quy định của pháp luật. Do đó không nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị T.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quan điểm:*

- *Chủ tịch UBND xã KP:* Thực hiện Quyết định 115 và 990 của UBND tỉnh Nam Hà về việc giao chia đất nông nghiệp, 17 hộ dân ở xóm 6, xã KP được giao chia đất nông nghiệp như các hộ trình bày là đúng. Nhà nước chưa ra quyết định thu hồi đất của 17 hộ gia đình ông, bà có tên nêu trên. Vì vậy, năm 2000, năm 2013 thực hiện chủ trương dồn đổi ruộng nông nghiệp, diện tích đất trong trang trại giữ nguyên không tham gia dồn đổi để đảm bảo cho các hộ làm trang trại ổn định sản xuất diện tích đất 9.394m^2 tại thửa đất số 36, tờ bản đồ số 7; tiêu chuẩn đất nông nghiệp của 17 hộ dân có tên ở trên vẫn nằm trong trang trại của bà T và được Nhà nước phê duyệt và ra Quyết định đền bù là đúng quy định pháp luật. UBND xã KP không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà T.

- *UBND huyện KB:* Căn cứ văn bản số 658/TTg-KTN ngày 11/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc đồng ý chủ trương đầu tư dự án xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch Tam Chúc, tỉnh Hà Nam; văn bản số 504/UBND-GTXD ngày 30/3/2015 của UBND tỉnh Hà Nam về việc thu hồi đất giải phóng mặt bằng để xây dựng khu đón tiếp thuộc dự án Khu du lịch Tam Chúc, huyện KB; Các văn bản quy định liên quan đến trình tự thủ tục bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng; Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Căn cứ các Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của UBND tỉnh Hà Nam về việc ban hành quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ - và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Quyết định số 50/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Hà Nam về việc ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 09/11/2015 của UBND tỉnh Hà Nam về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam; Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 30/06/2017 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ để thực hiện bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng khi nhà

nước thu hồi đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam từ ngày 01/07/2017 đến ngày 31/12/2017; Văn bản số 472/STN&MT-GD ngày 11/5/2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam về đối tượng hỗ trợ ổn định đời sống, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm khi thu hồi đất nông nghiệp. Căn cứ hồ sơ địa chính của UBND xã và các hồ sơ liên quan đang lưu trữ (hồ sơ địa chính năm 1994; năm 2001, như sổ mục kê, sổ địa chính và sổ quản lý đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận năm 1994, giấy chứng nhận của các hộ đã cấp năm 1994; 2001, các hợp đồng thầu khoán và hợp đồng kinh tế của chủ trang trại; đề án chuyển dịch năm 2001; các giấy tờ khác có liên quan đến việc nhận chuyển quyền; Bản đồ địa chính năm 1994, 2002 và trích đo hiện trạng thửa đất thu hồi; danh sách các hộ trả ra do xóm kê khai. Việc xác định phân loại đất được thực hiện theo phương pháp như sau:

Sử dụng hồ sơ địa chính năm 1994 và 2001. Những hộ có đất tiêu chuẩn theo Quyết định 115 và 990 trong trang trại không tham gia dồn đổi năm 2001 thì lấy diện tích tiêu chuẩn theo hồ sơ địa chính năm 1994 để xác định diện tích thu hồi. Những hộ có đất tiêu chuẩn theo Quyết định 115 và 990 trong trang trại có tham gia dồn đổi năm 2001 thì lấy theo hồ sơ địa chính năm 2001 để xác định diện tích thu hồi.

UBND huyện KB nhất trí với ý kiến của UBND xã KP đã trình bày. 17 hộ dân là chủ sử dụng đất nông nghiệp được nhà nước giao đất theo khẩu nông nghiệp, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa bị cơ quan nhà nước ra quyết định thu hồi đất. Bà T là người sử dụng đất theo Hợp đồng khoán thầu, không phải là người được giao đất nông nghiệp theo Quyết định 115 và 990 nêu trên. Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T là không có cơ sở pháp lý, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

UBND huyện đã chỉ đạo Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện ban hành văn bản thông báo việc dừng chi trả và gửi tiền bồi thường hỗ trợ đất đai của các chủ hộ có đất tiêu chuẩn bị ảnh hưởng do có tranh chấp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DSST ngày 08/01/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam quyết định:

Căn cứ Điều 26, 34, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 83, 84 Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghi định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị T.

+ Không chấp nhận bà Chu Thị T được quyền sử dụng diện tích đất nông nghiệp tại thửa số 36 tờ bản đồ số 7 là 9.394m^2 và không được nhận tiền đền bù hỗ trợ 1.550.010.000đ (Một tỷ năm trăm năm mươi triệu không trăm mười nghìn đồng).

+ Không chấp nhận yêu cầu huỷ các quyết định thu hồi đất: Quyết định số 5482, 5468, 5474, 5471, 5475, 5464, 5483, 5476, 5466, 5480, 5469, 5478, 5477,

5470, 5465, 5473, 5472/QĐ-UBND và Quyết định số 5537/QĐ-UBND cùng ngày 29/8/2017 của UBND huyện KB ban hành về việc thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với 17 hộ gia đình, ông Đinh Văn S (vợ là Nguyễn Thị D), bà Thái Thị Qu (ông Đinh Văn X), ông Đinh Văn Y, cụ Đinh Thị V, bà Đinh Thị Th (Th1), ông Hoàng Văn T, ông Đinh Tuấn Qu, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Hữu H, bà Trần Thị H, ông Nguyễn Hữu Th, ông Lê Khắc H, ông Đinh Tiến L, bà Đinh Thị Tr, bà Đinh Thị H, bà Đinh Thị M, cụ Vũ Thị Đ tại thửa số 36, tờ bản đồ số 7 bản đồ địa chính xã KP.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Chu Thị T yêu cầu UBND huyện KB phải bồi thường diện tích đất tăng thêm do gia đình mở rộng từ năm 2004 diện tích là 360m^2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 09/01/2020, bà Chu Thị T có đơn kháng cáo; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm:

+ Công nhận quyền về tài sản đối với quyền sử dụng đất; công nhận bà T là người được nhận bồi thường về quyền sử dụng đất, tài sản trên đất và tiền hỗ trợ đối với diện tích 9.394m^2 đất khi nhà nước thu hồi đất tương ứng với số tiền 1.550.010.000 đồng;

+ Tuyên hủy các quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường của UBND huyện KB cho các hộ dân đối với phần diện tích đất trang trại mà bà T đang sử dụng.

* Ngày 21/01/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam có quyết định kháng nghị số 374/QĐKNPT-VKS-DS, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc bà T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm 58.500.000 đồng, bà T chỉ phải chịu án phí không giá ngạch là 300.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữ nguyên kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Các đương sự không xuất trình thêm chứng cứ, tài liệu nào mới; không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà T cho rằng hiện nay, các quyết định ban hành của Ủy ban nhân dân tỉnh liên quan diện tích 10.000m^2 đất, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến chứng cứ năm 2014 Hợp tác xã chăn nuôi thủy sản có làm đơn tố cáo Ủy ban nhân dân xã KP, Ủy ban nhân dân huyện có tiến hành xem xét thẩm tra, Kết luận thanh tra thể hiện 10.000m^2 đất sung vào công ích, nâng quỹ công ích lên 50ha. Thông báo kết quả giải quyết tố cáo số 101/TB-UBND ngày 05/11/2014 yêu cầu đảng ủy, chính quyền và nhân dân xã KP chấp hành. Năm 2018, theo Quyết định điều chỉnh Kết luận thanh tra và

Thông báo giải quyết tố cáo xác định các năm 1996, 1997 các hộ dân đã tự nguyện trả lại đất nhưng chưa được chính quyền công nhận.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T xuất trình thêm một số tài liệu và cho rằng có liên quan đến vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án từ giai đoạn sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật Hội đồng xét xử và các đương sự: Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét kháng cáo của nguyên đơn; kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam trong thời hạn luật định và hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo:

+ Năm 1991, theo chủ trương của Nhà nước về giao đất nông nghiệp 115, tại khu vực Đồng Son đã giao đất cho 17 hộ dân, năm 1994 các hộ dân được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1998 thực hiện nghị quyết của Đảng ủy - Ủy ban nhân dân xã KP quy hoạch đất Đồng Son làm mô hình kinh tế VAC.

+ Năm 1998 Ủy ban nhân dân xã lập hợp đồng kinh tế giao thầu đất làm trang trại - mô hình VAC cho bà Hoàn diện tích 10.808m^2, sử dụng trong vòng 20 năm, giao nộp sản phẩm khoán thầu hàng năm.

Hợp đồng chuyển nhượng hợp đồng kinh tế giao thầu đất làm trang trại giữa bà Hoàn và ông Tính, giữa ông Tính và ông L (chồng bà T) không phải là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên bà T không phải là chủ sử dụng đất, không phải là người được giao đất, không có tên trong phương án giao đất, không có tên trong bản đồ địa chính; Ủy ban nhân dân xã chỉ xác nhận thay đổi chủ thể thực hiện hợp đồng kinh tế VAC; chưa có quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 17 hộ đất nêu trên, do đó khi thu hồi, Ủy ban nhân dân huyện ban hành các quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ cho 17 hộ dân nêu trên là đúng quy định pháp luật. Bà T không phải là chủ sử dụng đất, không được bồi thường, không được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp. Cấp sơ thẩm không công nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu số tiền 17 hộ dân được bồi thường cho bà T là có căn cứ.

Bản án sơ thẩm không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà T là chính xác, có căn cứ, đúng pháp luật. Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo củ bà T và quan điểm của người đại diện theo ủy quyền, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T về việc hủy án sơ thẩm.

Về nội dung kháng nghị: Bà T cho rằng bị ảnh hưởng trực tiếp bởi việc thu hồi đất. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam buộc bà T chịu án phí dân sự sơ thẩm

có giá ngạch là không có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm cũng không tiến hành thẩm định, định giá, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là ai là người có quyền sử dụng đất nên theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm trong vụ án này là án phí không có giá ngạch.

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà T, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không buộc bà T phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 26; Điều 34; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; xác định đúng thời hiệu khởi kiện và đủ những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ pháp luật cần phải giải quyết trong vụ án: Bản án sơ thẩm xác định gồm: Tranh chấp quyền sử dụng đất; yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất. Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, quan điểm của nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy còn có nội dung bà T tranh chấp về số tiền nhà nước đã bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất của 17 hộ dân.

- Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam và Đơn kháng cáo của bà Chu Thị T trong thời hạn luật định nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- Những tài liệu mà Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T xuất trình tại phiên tòa là các tài liệu photocopy, không có xác nhận của Cơ quan có thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không xét.

[2] Xét kháng cáo của bà Chu Thị T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Năm 1991, UBND xã KP, huyện KB giao chia tiêu chuẩn đất nông nghiệp cho các hộ dân, trong đó có diện tích ở khu vực Đồng Son cho 17 hộ và năm 1994 UBND huyện KB đã cấp GCNQSD đất cho 17 hộ gia đình gồm: Hộ ông Đinh Văn S, ông Đinh Văn L, ông Đinh Văn Y, bà Đinh Thị V, bà Đinh Thị Th, ông Hoàng Văn T, ông Đinh Tuấn Qu, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Hữu H, bà Trần Thị H, ông Nguyễn Hữu Th, ông Lê Khắc H, ông Đinh Tiến L, bà Đinh Thị Tr, bà Đinh Thị H, bà Đinh Thị M, bà Vũ Thị Đ.

[2.2] Năm 1998, thực hiện Nghị quyết chung của UBND xã về quy hoạch vùng đất Đồng Son làm kinh tế V.A.C. Các hộ dân đã viết giấy trả lại diện tích đất ở khu vực Đồng Son để UBND xã ký hợp đồng kinh tế với các hộ có nhu cầu làm trang trại. Sau đó, UBND xã đã ký Hợp đồng kinh tế với chủ hộ làm trang trại bà Bùi Thị H. Xét thấy: Việc UBND xã lập biên bản giao đất trên thực địa để

chủ hộ làm trang trại là để thực hiện Hợp đồng kinh tế làm trang trại (VAC), không phải phải là biên bản giao đất theo quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Việc bà H chuyển nhượng trang trại cho ông K, ông K tiếp tục chuyển nhượng trang trại lại cho vợ chồng ông L, bà T có lập biên bản, phần đầu ghi văn bản chuyển quyền sử dụng đất nhưng nội dung văn bản là chuyển nhượng hợp đồng khoán thầu. Việc UBND xã KP có xác nhận vào các hợp đồng trên là xác nhận việc chuyển nhượng hợp đồng kinh tế làm trang trại chứ không phải là hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất giữa các chủ trang trại với nhau, không phải là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T và bà T cho rằng bà T là người sử dụng đất do nhận chuyển nhượng đất hợp pháp theo quy định tại Điều 129, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên đủ điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 75, 84 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 5 Điều 2, khoản 5 Điều 4 Nghị định 01/2017 về sửa đổi một số nghị định chi tiết thi hành Luật Đất đai là không đúng.

[2.3] Từ khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến trước khi có văn bản số 658/TTg-KTN ngày 11/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc đồng ý chủ trương đầu tư dự án xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật Khu du lịch Tam Chúc, tỉnh Hà Nam, Nhà nước chưa có quyết định thu hồi đất của các hộ dân. Do đó, đến thời điểm 2017, UBND huyện KB thu hồi diện tích đất trên để thực hiện dự án khu Du lịch Tam Chúc thì quyền sử dụng đất hợp pháp vẫn thuộc về 17 hộ dân đang bị kiện. Mặt khác, năm 2000 khi xây dựng đề án dồn đổi ruộng đất nông nghiệp các trang trại vẫn giữ nguyên, UBND xã cũng không trả đất vị trí khác cho các hộ dân; qua hai lần dồn đổi ruộng đất, 17 hộ dân này cũng không được cấp bổ sung so với đất được giao theo tiêu chuẩn đã được cấp GCNQSD đất. Do đó, họ vẫn là chủ sử dụng đất hợp pháp theo quy định tại Điều 166 Luật Đất đai năm 2013.

[2.3] Năm 2017, Nhà nước thu hồi diện tích đất trên để thực hiện dự án khu du lịch Tam Chúc. UBND huyện KB đã ban hành các Quyết định thu hồi toàn bộ diện tích 9.394m^2 đất lúa tại thửa số 36, tờ bản đồ số 7 của 17 hộ dân nêu trên và quyết định phê duyệt bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất tổng là 1.550.010.000đ, dẫn đến việc tranh chấp giữa bà T với 17 hộ gia đình và UBND huyện KB về số tiền bồi thường, hỗ trợ. Bà T đồng ý với chủ trương thu hồi đất, nhưng không đồng tình về việc 17 hộ dân được nhận tiền nhà nước đền bù, hỗ trợ thu hồi đất. Như vậy, bản chất là tranh chấp số tiền 1.550.010.000đ mà nhà nước đã có quyết định bồi thường, hỗ trợ cho 17 hộ dân.

[2.4] Xét việc ban hành các Quyết định số: 5482, 5468, 5474, 5471, 5475, 5464, 5483, 5476, 5466, 5480, 5469, 5478, 5477, 5470, 5465, 5473, 5472/QĐ-UBND và Quyết định số 5537/QĐ-UBND cùng ngày 29/8/2017 của UBND huyện KB ban hành về việc thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với 17 hộ gia đình nêu trên là có căn cứ, đúng thẩm quyền, trình tự và thủ tục; nội dung các quyết định về việc bồi thường đất, hỗ trợ… cho 17 hộ dân của UBND huyện KB khi thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ cho 17 hộ gia đình nêu trên là đúng quy định tại Điều 74, 75, 83, 84 Luật Đất đai 2013 và các

Nghị định 43/2014, 47/2014, 01/2017 của Chính phủ về bồi thường giải phóng mặt bằng.

[2.5] Với những phân tích, nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản án sơ thẩm đã quyết định không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị T là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Chu Thị T.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam:

Theo "Đơn khởi kiện" của bà Chu Thị T, lời trình bày của bà T tại phiên tòa thì bản chất và mục đích khởi kiện của bà Chu Thị T là được nhận số tiền bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 9.394m^2 đất khi nhà nước thu hồi đất đã có quyết định bồi thường cho 17 hộ dân, tương ứng với số tiền 1.550.010.000 đồng. Việc nguyên đơn khởi kiện 17 hộ dân trong khi họ đã bị thu hồi đất, đã có quyết định về số tiền bồi thường, hỗ trợ được hưởng như đã nhận định về bản chất là tranh chấp số tiền 1.550.010.000 đồng mà 17 hộ dân đã được nhận, là loại tranh chấp có giá ngạch. Vì vậy, bản án sơ thẩm buộc bà T phải chịu án phí có giá ngạch là chính xác. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Tại thời điểm xét xử phúc thẩm bà Chu Thị T đã 60 tuổi, ngày 09/3/2020 có đơn đề nghị miễn tiền án phí. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của bà T để sửa bản án sơ thẩm theo hướng miễn cho bà toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Chu Thị T.

Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2020/DSST ngày 08/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam (về phần án phí) như sau:

Căn cứ Điều 26, 34, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 83, 84 Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghi định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị T.

+ Không chấp nhận bà Chu Thị T được quyền sử dụng diện tích đất nông nghiệp tại thửa số 36 tờ bản đồ số 7 là 9.394m^2 và không được nhận tiền đền bù

hỗ trợ 1.550.010.000đ (Một tỷ, năm trăm năm mươi triệu, không trăm mười nghìn đồng).

+ Không chấp nhận yêu cầu huỷ các quyết định thu hồi đất: Quyết định số 5482, 5468, 5474, 5471, 5475, 5464, 5483, 5476, 5466, 5480, 5469, 5478, 5477, 5470, 5465, 5473, 5472/QĐ-UBND và Quyết định số 5537/QĐ-UBND cùng ngày 29/8/2017 của UBND huyện KB ban hành về việc thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với 17 hộ gia đình: Ông Đinh Văn S (vợ là Nguyễn Thị D), bà Thái Thị Qu (ông Đinh Văn X), ông Đinh Văn Y, cụ Đinh Thị V, bà Đinh Thị Th (Th1), ông Hoàng Văn T, ông Đinh Tuấn Qu, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Hữu H, bà Trần Thị H, ông Nguyễn Hữu Th, ông Lê Khắc H, ông Đinh Tiến L, bà Đinh Thị Tr, bà Đinh Thị H, bà Đinh Thị M, cụ Vũ Thị Đ tại thửa số 36, tờ bản đồ số 7 bản đồ địa chính xã KP.

2. Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Chu Thị T. Hoàn trả bà Chu Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004005 ngày 12/6/2019; số 0004868 ngày 20/01/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Hà Nam;*
- *VKSND tỉnh Hà Nam;*
- *Cục THADS tỉnh Hà Nam;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HS, phòng HCTP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Hải Thanh